



Số: 2025.3850/KQ-EUC

Ngày 29 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng: **VINHOMES WEST POINT**
Địa điểm lấy mẫu: Lô đất HH, Đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Hà Nội
- Tình trạng mẫu: Mẫu được bảo quản tại hiện trường
- Ngày lấy mẫu: 08/12/2025
- Thời gian thử nghiệm: 08/12/2025 – 18/12/2025
- Kết quả thử nghiệm:
Loại mẫu: **Nước thải**
Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2018; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011
Mã số mẫu: **NT-01: Tại bể thu gom nước thải trước khi vào trạm XLNT (X=21.011335; Y=105.785204)
NT-02: Sau hệ thống XLNT tập trung (X=21.011334; Y=105.785204)**

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
					NT-01	NT-02	
1.	pH ⁽¹⁾	-	TCVN 6492:2011	2-12	7,36	7,28	5 - 9
2.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	HD-HT-TDS	0-400.000	451	298	1.000
3.	Lưu lượng ⁽¹⁾	m ³ /h	HH-NT-FLOW	-	36,2	36,5	-
4.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 2540D:2023	2,8	KPH	3	100
5.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,1	7	5	50
6.	NO ₃ ⁻ N ⁽¹⁾	mg/L	US EPA Method 352-1	0,085	7,4	1,05	50
7.	NH ₄ ⁺ N ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,043	KPH	KPH	10
8.	S ²⁻ ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	0,035	KPH	KPH	4,0
9.	PO ₄ ³⁻ P ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,026	0,51	KPH	10
10.	Dầu mỡ ĐTV ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,3	KPH	KPH	20
11.	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5540 B&C:2023	0,025	KPH	KPH	10
12.	Coliform ^{(1) (a)}	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B: 2023	2	150	360	5.000

Ghi chú: -⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận - thực hiện bởi nhà thầu phụ - Vimcerts 328;
 -^(a): Thông số được liên kết với nhà thầu phụ mã Vimcerts 269;
 - (-): Không quy định;
 - (-): Không thực hiện;
 - Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy, đo đạc;
 - KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
 - Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

NGUYỄN HIẾN THUẬN

